

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2019/HS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết, ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 271/2019/HSPT ngày 16/8/2019, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2019/HS- ST ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Xuân T**; sinh ngày: 15/6/1966, tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quang H1 (đã chết) và bà Phạm Thị T1; bị cáo có vợ là Đào Thị T2; có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2004); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Trọng T3 - sinh năm 1955 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

+ Bà Phạm Thị B (mẹ của ông T3) - sinh năm 1924, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D (vợ của ông T3) - sinh năm 1958, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Xuân H2, anh Nguyễn Đức H3, anh Nguyễn Hồng T4 (các con của ông T3), đều vắng mặt.

Cùng trú tại: phường A, thị xã B1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 ngày 29/10/2018, Phạm Xuân T đã có giấy phép lái xe mô tô, điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 16H1 - 0203 đi trên đường liên thôn hướng từ Buôn Đ ra trung tâm xã Đ, huyện K. Khi điều khiển xe đến đoạn đường thuộc thôn TT, xã Đ, huyện K thì gặp xe mô tô biển kiểm soát 47M8 - 7932 do ông Nguyễn Trọng T3 điều khiển chạy ngược chiều. Do đoạn đường dốc có khúc cua, nên ông T3 điều khiển xe chạy sang lấn sang phần đường của T nên T điều khiển xe chạy sang phần đường của ông T3 thì ông T3 lại điều khiển xe sang phần đường của mình dẫn đến hai xe va chạm nhau gây tai nạn. Hậu quả làm ông Nguyễn Trọng T3 tử vong trên đường đi cấp cứu, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường, dấu vết phương tiện và khám nghiệm tử thi xác định: Điểm va chạm giữa 02 xe nằm ở phần đường bên trái theo hướng đi từ Buôn Đ ra trung tâm xã Đ huyện K (thuộc phần đường đi của ông T3), cách mép chuẩn là 200cm, cách trực trước xe mô tô 16H1-0203 là 32cm, cách trực sau xe mô tô BKS 16H1 - 0203 là 126cm; cách trực sau xe mô tô BKS 47M8 - 7932 là 46cm, cách trực trước xe mô tô 47M8 - 7932 là 122cm .

Tại bản kết luận pháp y tử thi số: 08/PY-T.Th ngày 10/12/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Trọng T3: Hôn mê, suy hô hấp không hồi phục do chấn thương sọ não, vỡ sọ, chảy máu nội sọ do tai nạn giao thông.

Tại kết luận định giá tài sản số 16/LK-HĐĐGTS ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16H1 - 0203 là 1.500.000 đồng; Giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M8 - 7932 là 1.168.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại của 02 phương tiện là 3.180.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ: 01 xe mô tô biển kiểm soát 16H1 – 0203, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đinh Ngọc Đ1; Giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân của Phạm Xuân T; 01 xe mô tô BKS 47M8-7932.

Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng. Gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm và làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2019/HS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12-7-2019 bị cáo Phạm Xuân T kháng cáo bản án sơ thẩm về phần hình phạt đề xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phạm Xuân T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt 01 năm tù của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng và được gia đình người bị hại và được gia đình bị hại làm đơn bãi nại, hậu quả xảy ra bị hại cũng có phần lỗi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 01 (một) năm tù, về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phạm Xuân T không bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Phạm Xuân T tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận: Khoảng 18 giờ 00 ngày 29/10/2018, Phạm Xuân T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16H1 - 0203 đi trên đường liên thôn theo hướng từ Buôn Đ ra trung tâm xã Đ huyện K; khi đi đến đoạn đường thuộc thôn TT, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì gặp xe mô tô biển kiểm soát 47M8 - 7932 do ông Nguyễn Trọng T3 điều khiển chạy ngược chiều. Do Phạm Xuân T không chấp hành theo đúng quy định của Luật giao thông bộ, chạy sang phần đường bên trái theo hướng đi của mình nên đã đâm vào xe mô tô do ông Nguyễn Trọng T3 điều khiển đi ngược chiều. Hậu quả ông Nguyễn Trọng T3 tử vong trên đường đi cấp cứu, 02 xe mô tô bị hư hỏng trị giá thiệt hại là 3.180.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Mức hình phạt 01 năm tù của bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 50.000.000 đồng và được gia đình người bị hại làm đơn bãi nại, hậu quả xảy ra bị hại cũng có phần lỗi. Do đó, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà để cho bị cáo được tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương là phù hợp và cũng thể hiện rõ tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Phạm Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2019/HS-ST ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 01 (một) năm tù, về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát giáo dục và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Xuân T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn